TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2018/DS-PT
Ngày: 20/6/2018
V/v: "*Tranh chấp quyền đòi lại tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Hữu Nhân
Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Nguyệt
Ông Huỳnh Châu Thạch

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Dương Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa***: Ông Hoàng Thế Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2018/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2018 về việc***:*** "*Tranh chấp quyền đòi lại tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.*

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2018/DS-ST ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện ĐD bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 119/2018/QĐ-PT ngày 28/5/2018; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 56/2018/QĐ-PT ngày 12/6/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Vợ chồng cụ Nguyễn Văn Ph, sinh năm: 1937;
Cụ Phạm Thị M, sinh năm: 1938 – chết 4/2018;

Địa chỉ: Số x CVA, tổ dân phố NL 2, Thị trấn TM, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Phạm Thị M:

1. Ông Nguyễn Hoàng M.
Địa chỉ: Số 0x LVT, tổ dân phố NT, Thị trấn TM, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.
2. Bà Nguyễn Thị Thùy L.
Địa chỉ: Số 0x LVT, tổ dân phố NT, Thị trấn TM, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.
3. Bà Nguyễn Thị Xuân M.
4. Bà Nguyễn Thị Thùy Tr.
5. Bà Nguyễn Thị T.

Địa chỉ: Ấp NH, xã ĐH, huyện KS, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn*: Bà Đặng Thị B, sinh năm: 1961;

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1984;

Cùng địa chỉ: Số x đường y NL 2, Thị trấn TM, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng (Văn bản ủy quyền lập ngày 30/6/2017).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Đặng Thị B: Luật sư Lý Văn K là Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Phương Đại N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Lâm Đồng – Địa chỉ: Số x TL (Mặt sau), phường y, thành phố ĐL, tỉnh Lâm Đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1984;
2. Chị Nguyễn Thị Hồng Ng, sinh năm: 1982;
3. Anh Nguyễn Thông Th, sinh năm: 1987;
4. Anh Nguyễn Hoàng Th, sinh năm: 1980;
5. Chị Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm: 1994;

Người đại diện theo ủy quyền cho chị Ng, anh Th, anh T, chị L: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1984;

Cùng địa chỉ: Số x đường y NL 2, Thị trấn TM, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng. (Văn bản ủy quyền lập ngày 30/6/2017).

6. Chị Nguyễn Thị Tuyết Nh, sinh năm: 1992;

Người đại diện theo ủy quyền cho chị Nh: Chị Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1984;

Cùng địa chỉ: Số x đường y NL 2, Thị trấn TM, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng. (Văn bản ủy quyền lập ngày 30/3/2017).

- *Người có quyền, nghĩa vụ liên quan*:

Ủy ban nhân dân huyện ĐD.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đinh Ngọc H – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lưu Đình Ch– Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện ĐD.

(Văn bản ủy quyền số 03/UQ-UBND ngày 02/3/2018)

(Luật sư K, chị H, chị Ng, anh Th có mặt tại phiên tòa; Cụ Ph và Đại diện theo ủy quyền cho UBND huyện ĐD có đơn xin xử vắng mặt; các đương sự khác đều vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2017 và ngày 19/6/2017, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình hòa giải nguyên đơn cụ Nguyễn Văn Ph cũng như ông Hoàng Ngọc L là người đại diện theo ủy quyền cho Cụ Ph trình bày:

Vợ chồng cụ Ph, cụ M yêu cầu bà B cùng các đồng thừa kế của ông Nguyễn Văn Ph (là con trai cụ Ph, cụ M) chuyển quyền sở hữu hợp pháp căn nhà và đất tại số 19 CVA cho nguyên đơn vì trước đây nguyên đơn có 01 căn nhà ở đường LVT do ông Nguyễn Văn Ph đứng ra làm giấy bán nhà cho ông Hoàng Công Đ và là người nhận tiền bán nhà, cụ Ph, cụ M chỉ là người ký vào giấy bán nhà.

Sau khi bán nhà và nhận tiền thì anh Ph đã dùng tiền bán nhà của nguyên đơn

để mua đất và cất nhà cấp 4 cho vợ chồng nguyên đơn ở tại số 19 CVA từ năm 2006 cho đến nay. Tại thời điểm mua đất và cất nhà nguyên đơn đồng ý cho ông Ph, bà B đứng tên chủ quyền thay cho nguyên đơn nhưng phải có trách nhiệm chăm sóc cụ Ph, cụ M khi sống cũng như thực hiện nghĩa vụ thờ cúng khi hai cụ chết, sau khi đứng tên chủ quyền căn nhà và đất thì vợ chồng ông Ph, bà B không chăm lo chăm sóc cho nguyên đơn.

Nay nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn bà B và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các con của bà B trả lại chủ quyền căn nhà và đất tại số 19 đường CVA cho nguyên đơn.

Ngoài ra, hiện nay nguyên đơn còn bổ sung thêm yêu cầu đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD925976 do UBND huyện ĐD cấp cho ông Nguyễn Văn Ph, bà Đặng Thị B vào ngày 06/01/2006.

Đại diện bị đơn theo ủy quyền đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đại diện cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Mỹ H trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất số 35 TBĐ số 09 QH địa chỉ thửa đất ở NL-TM, diện tích thửa đất 100m^2 đất ở có là do ông Nguyễn Văn Ph, bà Đặng Thị B nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị V vào ngày 07/10/2005, hợp đồng được UBND thị trấn TM, huyện ĐD chứng thực vào ngày 28/10/2005. Giá sang nhượng thửa đất trên ghi trên hợp đồng là 120.000.000đồng. Đến ngày 06/01/2006 ông Ph, bà B được UBND huyện ĐD cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD925976.

Về nguồn gốc của căn nhà số 19 CVA làm trên thửa đất số 35 TBĐ số 09 QH diện tích thửa đất 100m^2 đất ở có do ông Ph, bà B sau khi được cấp đất đã xây dựng lên căn nhà. Trước khi xây dựng ông Ph, bà B có xin giấy phép xây dựng và đã được UBND huyện ĐD cấp giấy phép xây dựng số 15/GPXD ngày 30/3/2006 và ký hợp đồng cung cấp điện với điện lực ĐD theo hóa đơn GTGT số 011972 ngày 13/3/2006.

Sau khi ông Ph, bà B xây dựng xong căn nhà thì cho cụ Ph, cụ M cho đến nay. Do cụ Ph, cụ M đã già, bản thân ông Ph là con trai trưởng nên việc ăn uống, chi tiêu, sinh hoạt của cụ Ph, cụ M do gia đình ông Ph bà B lo cho ông bà. Từ khi ông Ph qua đời thì cụ Ph, cụ M đòi nhà và đất nên đã từ chối mọi việc chu cấp của gia đình bị đơn, tuy nhiên hóa đơn tiền điện thắp sáng và tiền điện thoại bàn cố định gia đình bị đơn vẫn đóng đầy đủ hàng tháng nên bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất đã cấp cho ông Nguyễn Văn Ph, bà Đặng Thị B thì bị đơn cũng không đồng ý, vì đất do ông Ph, bà B nhận sang nhượng hợp pháp được nhà nước công nhận.

Quá trình điều tra Ông Lưu Đình Ch- đại diện UBND huyện ĐD trình bày:

Về nguồn gốc diện tích 100m^2 đất ở thuộc thửa đất số 35 tờ bản đồ số 09 QH NL, thị trấn TM, huyện ĐD do ông Nguyễn Văn Ph, bà Đặng Thị B nhận chuyển

nhượng từ ông Nguyễn Xuân H và bà Nguyễn Thị V vào ngày 07/10/2005. Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất lập tại UBND thị trấn TM có chứng thực theo quy định.

Sau khi hợp đồng được chứng thực, các bên đã thực hiện nghĩa vụ tài chính thì UBND huyện ĐD đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng diện tích 100m^2 đất nêu trên cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph bà Đặng Thị B theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD925976, việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật. Việc nguyên đơn yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD925976 do UBND huyện ĐD cấp ngày 06/01/2006 cho vợ chồng ông Nguyễn Văn Ph, bà Đặng Thị B là không có căn cứ.

Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2018/DS-ST ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện ĐD đã xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Nguyễn Văn Ph, cụ Phạm Thị M về việc yêu cầu bị đơn bà Đặng Thị B cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thị Hồng Ng, Nguyễn Thị Tuyết Nh, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thông Th, Nguyễn Hoàng Th trả lại chủ quyền căn nhà và diện tích 100m^2 đất thổ cư thuộc thửa đất số 35 tờ bản đồ 09 QH thị trấn TM nay là căn nhà số 19 đường CVA, TDP NL 2, thị trấn TM, huyện ĐD.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cụ Nguyễn Văn Ph, cụ Phạm Thị M về việc đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD925976 do UBND huyện ĐD cấp cho ông Nguyễn Văn Ph, bà Đặng Thị B vào ngày 06/01/2006.

3. Về án phí: Căn cứ vào điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho cụ Nguyễn Văn Ph, cụ Phạm Thị M. Cụ Nguyễn Văn Ph, cụ Phạm Thị M được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2015/0003594 ngày 03/7/2017 tại chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng. Bị đơn bà Đặng Thị Bảy không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc cụ Nguyễn Văn Ph, cụ Phạm Thị M phải chịu 4.312.000 đồng chi phí xem xét thẩm định giá tài sản (cụ Nguyễn Văn Ph, cụ Phạm Thị M đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định giá tài sản).

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án cho các đương sự.

Ngày 06/4/2018, nguyên đơn cụ Nguyễn Văn Ph có đơn kháng cáo đối với Bản án Dân sự sơ thẩm số: 10/2018/DS-ST ngày 30/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện ĐD yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Cụ Ph về việc đòi lại quyền sở hữu nhà ở số 19 đường CVA, tổ dân phố NL 2, thị trấn TM, huyện ĐD và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà Ủy ban nhân dân huyện ĐD đã cấp cho bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Cụ Ph vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt đồng thời vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của mình.

Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư K bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nhận định: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật. Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Cụ Phạm Thị M (sinh năm 1938, chết tháng 4/2018). Cụ Nguyễn Văn Ph và cụ M có 06 người con chung gồm: Ông Nguyễn Văn Ph (chết ngày 22/02/2017); ông Nguyễn Hoàng M; bà Nguyễn Thị Thùy L; bà Nguyễn Thị Xuân M; bà Nguyễn Thị Thùy Tr; bà Nguyễn Thị T.

Ông Ph có vợ là bà Đặng Thị B; ông Ph và bà B có 06 người con chung gồm các anh chị: Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thị Hồng Ng, Nguyễn Thông Th, Nguyễn Thông Thái, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thị Tuyết Nh. Sau khi xét xử sơ thẩm đến tháng 4/2018 thì cụ Mchết.

Do vậy, cấp phúc thẩm cần đưa các con chung của Cụ Ph và cụ M gồm ông Nguyễn Hoàng M; bà Nguyễn Thị Thùy L; bà Nguyễn Thị Xuân M; bà Nguyễn Thị Thùy Tr; bà Nguyễn Thị T vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ M theo quy định tại Khoản 1 Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Trong quá trình giải quyết vụ án theo trình tự phúc thẩm, nguyên đơn cụ Nguyễn Văn Ph có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 14/6/2018.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ M gồm: ông Nguyễn Hoàng M; bà Nguyễn Thị Thùy L; bà Nguyễn Thị Xuân M; bà Nguyễn Thị Thùy Tr; bà Nguyễn Thị T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn cụ Ph, cụ M khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Đặng Thị B cùng những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các con của bà B trả lại chủ quyền căn nhà và đất ở tại số 19 đường CVA và đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD925976 do Ủy ban nhân dân huyện ĐD cấp cho ông Nguyễn Văn Ph, bà Đặng Thị B vào ngày 06/01/2006. Tuy nhiên, bị đơn và những

người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đồng ý nên các bên phát sinh tranh chấp.

Do đó, cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là: "*Tranh chấp dân sự kiện đòi lại tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* là đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn cụ Ph thì thấy rằng:

Nguyên đơn vợ chồng cụ Ph, cụ M cho rằng nguồn gốc căn nhà và diện tích đất tại số 19 đường CVA đang tranh chấp là của nguyên đơn. Vì nguyên đơn cho rằng khi có lập giấy bán căn nhà tại đường LVT thuộc tổ dân phố Nghĩa Thị cho ông Hoàng Công Đ, bà Nguyễn Thị M theo giấy bán nhà lập ngày 05/10/2005 (BL 151). Sau khi bán căn nhà nguyên đơn đưa tiền cho ông Nguyễn Văn Ph mua đất xây dựng nhà tại số 19 đường CVA cho vợ hai cụ ở từ năm 2006 cho đến nay. Hai cụ đồng ý cho vợ chồng bị đơn đứng tên chủ quyền căn nhà, đất nhưng với điều kiện vợ chồng bị đơn phải chăm lo chu đáo cho vợ chồng nguyên đơn.

Xét về nội dung giấy bán nhà lập ngày 05/10/2005 thể hiện người bán nhà là vợ chồng cụ Ph, cụ M và bên nhận tiền số tiền đặt cọc 110.000.000đồng cũng do vợ chồng Cụ Ph và cụ M nhận. Số tiền còn lại 62.000.000đồng do ông Nguyễn Văn Ph nhận 03 lần.

Theo Biên bản lấy lời khai của ông Hoàng Công Đ ngày 20/12/2017 (BL97) ông Đ cũng xác nhận nội dung vào ngày 05/10/2005 vợ chồng ông với vợ chồng ông Ph, bà M có thỏa thuận mua bán căn nhà tại đường LVT thuộc tổ dân phố Nghĩa Thị, người nhận tiền đặc cọc bán nhà là ông Nguyễn Văn Ph, số tiền còn lại 62.000.000đồng được sự đồng ý của ông Nguyễn Văn Ph ông đã giao tiền cho ông Nguyễn Văn Ph và nhận giấy tờ nhà từ ông Nguyễn Văn Ph.

Ngoài ra, nguyên đơn cho rằng có lập "giấy ủy quyền đất thổ cư" (BL 05- bản phô tô). Xét thấy, giấy ủy quyền đất thổ cư là bản phô tô do vợ chồng cụ Nguyễn Văn Ph viết không ghi ngày tháng năm, nội dung ủy quyền cho vợ chồng bị đơn được làm chủ lô đất của bố mẹ đang ở nhưng lại không ghi rõ địa chỉ lô đất, không có chữ ký xác nhận của vợ chồng bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay phía nguyên đơn cũng không xuất trình được bản chính giấy ủy quyền đất thổ cư và phía bị đơn cũng không thừa nhận hiện đang quản lý bản chính, bị đơn không biết gì về nội dung giấy ủy quyền đất thổ cư trên. Do vậy, bản phô tô giấy ủy quyền đất thổ cư (BL 05) không được xem là chứng cứ để xem xét cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bởi lẽ, theo quy định tại Điều 95 Bộ luật tố tụng dân sự thì *"Tài liệu đọc được nội dung được coi là chứng cứ nếu là bản chính hoặc bản sao có công chứng, chứng thực hợp pháp hoặc cơ quan, tổ chức có thẩm quyền cung cấp, xác nhận"*.

Hiện nay, ông Nguyễn Văn Ph đã chết vào ngày 22/02/2017 nên không có cơ sở để làm rõ số tiền 62.000.000đồng do ông Nguyễn Văn Ph nhận từ ông Hoàng Công Đ vào ngày 17/11/2005, ngày 09/01/2006 và ngày 05/3/2006 ông Ph sử dụng vào mục đích gì. Phía nguyên đơn cũng không có chứng cứ chứng minh số tiền ông Ph nhận là để mua nhà đất đang tranh chấp hiện nay. Do đó, không có cơ sở để xác định ông Nguyễn Văn Ph là người nhận tiền do cụ Nguyễn Văn Ph bán nhà để mua đất xây dựng nhà tại số 19 đường CVA, tổ dân phố NL 2, thị trấn TM, huyện ĐD hiện đang tranh chấp.

Còn phía bị đơn không thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn. Bị đơn xuất trình được các chứng minh nguồn gốc căn nhà và diện tích 100m^2 đất ở thuộc thửa đất số 35 tờ bản đồ 09 QH nay là căn nhà và đất tại số 19 đường CVA là nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Xuân H, bà Nguyễn Thị V ngày 07/10/2005 (BL 43 - 44). Đến ngày 06/01/2006, Ủy ban nhân dân huyện ĐD đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu số AD 925976 với diện tích 100m^2 thuộc thửa số 35, tờ bản đồ số 09 quy hoạch tại thôn NL, Thị trấn TM, huyện ĐD cho ông Nguyễn Văn Ph, bà Đặng Thị B (BL 37-40). Sau đó, vợ chồng ông Ph, bà B xây dựng nhà thì có giấy phép xây dựng số 15/GPXD ngày 30/3/2006 do Ủy ban nhân dân huyện ĐD cấp, bản vẽ thiết kế cũng do vợ chồng ông Ph, bà B đứng tên (BL 27-36). Bị đơn lại đưa ra được các chứng cứ chứng minh tuy không trực tiếp sử dụng căn nhà số 19 CVAnhưng hợp đồng đăng ký mua điện thắp sáng, đăng ký điện thoại cố định đều do ông Nguyễn Văn Ph đứng tên bên sử dụng dịch vụ và phía gia đình bị đơn trả tiền hàng tháng (BL 48-61).

Hơn nữa, từ khi vợ chồng ông Ph, bà B được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng nhà trên đất cho đến cho đến đầu năm 2017 (trước khi ông Nguyễn Văn Ph chết), vợ chồng nguyên đơn cụ Ph, cụ M không có ý kiến tranh chấp gì về chủ quyền nhà đất nói trên. Nay ông Ph chết vợ chồng nguyên đơn lại tranh chấp đòi lại chủ quyền căn nhà và đất với lý do vợ chồng bị đơn không chăm lo cho vợ chồng nguyên đơn sau khi được đứng tên chủ quyền căn nhà và đất nhưng phía nguyên đơn cũng không có chứng cứ gì chứng minh việc vợ chồng bị đơn ngược đãi không chăm lo cho vợ chồng nguyên đơn. Do đó, cụ Ph không có chứng cứ chứng minh tài sản đang tranh chấp thuộc quyền sở hữu hợp pháp của mình nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và cần giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là có căn cứ.

[5] Về án phí sơ thẩm và phúc thẩm: Cụ Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1937. Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm thì cụ Ph đã hơn 60 tuổi. Theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2014/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án cũng như Điều 2 của Luật người cao tuổi năm 2009 thì cụ Ph là người cao tuổi thuộc trường hợp được miễn toàn bộ án phí.

Do vậy, miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho cụ Nguyễn Văn Ph là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 - Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Pháp lệnh về lệ phí, án phí Tòa án năm 2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn cụ Nguyễn Văn Ph. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện "*Tranh chấp dân sự kiện đòi lại tài sản và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" của nguyên đơn cụ Nguyễn Văn Ph, cụ Phạm Thị M về việc yêu cầu bị đơn bà Đặng Thị B cùng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là các anh chị Nguyễn Thị Mỹ H, Nguyễn Thị Hồng Ng, Nguyễn Thị Tuyết Nh, Nguyễn Thị Hồng L, Nguyễn Thông Th, Nguyễn Hoàng Th trả lại chủ quyền căn nhà và diện tích 100m^2 đất thổ cư thuộc thửa đất số 35 tờ bản đồ 09 QH thị trấn TM nay là căn nhà số 19 đường CVA, tổ dân phố NL 2, thị trấn TM, huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.

2. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cụ Nguyễn Văn Ph, cụ Phạm Thị M về việc đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD925976 do UBND huyện ĐD cấp cho ông Nguyễn Văn Ph, bà Đặng Thị B vào ngày 06/01/2006.

3. Về chi phí tố tụng:

Buộc cụ Nguyễn Văn Ph, cụ Phạm Thị M phải chịu 4.312.000 đồng chi phí xem xét thẩm định giá tài sản (cụ Nguyễn Văn Ph, cụ Phạm Thị M đã nộp đủ chi phí xem xét thẩm định giá tài sản).

4. Về án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm:

Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho cụ Nguyễn Văn Ph, cụ Phạm Thị M.

Hoàn trả cho cụ Nguyễn Văn Ph và cụ Phạm Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 10.000.000đồng theo biên lai thu tiền số AA/2015/0003594 ngày 03/7/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện ĐD, tỉnh Lâm Đồng.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 - Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015".

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND H. Đã ký;
- CCTHADS H. ĐD;
- Phòng KTNV&THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV – HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Bùi Hữu Nhân